

NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT PHONG CÁCH HỌC TẬP TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH HIỆU QUẢ TẠI KHOA DU LỊCH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

*Phạm Diệu Ly, Nguyễn Thị Thảo, Trương Thị Bích**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/02/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 02/8/2021

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/8/2021

Tóm tắt: Mục đích của nghiên cứu là đưa ra những cơ sở để giúp cho sinh viên xác định được phong cách học tập của cá nhân, từ đó sẽ tìm ra những hướng đi phù hợp nhằm cải thiện phong cách học tập tiếng Anh chuyên ngành Du lịch của sinh viên Khoa du lịch – Trường Đại học Mở Hà Nội. Đối tượng nghiên cứu là 205 sinh viên Khóa 25,26 của khoa được chia ra làm ba nhóm học lực giỏi, khá, trung bình. Bằng cách đưa ra phiếu khảo sát dựa trên bảng câu hỏi của Honey & Mumford (2000) và thang đo cấp độ tự duy của Bloom (2001), những phong cách học tập chủ yếu của sinh viên thuộc cả 3 nhóm đã được phân tích và tính hiệu quả của các phong cách đó cũng được đo lường. Kết quả nghiên cứu đã xác định được phong cách học tập tiếng Anh chuyên ngành Du lịch hiệu quả tại Khoa Du lịch – Trường Đại học Mở Hà Nội chính là sự chuyển hóa kết hợp của cả bốn phong cách học tập (lý thuyết+hành động+suy ngẫm+thực tế). Từ đó, một số giải pháp giúp sinh viên trong Khoa có thể tiếp cận và nâng cao năng lực học tiếng Anh chuyên ngành Du lịch của bản thân một cách hiệu quả nhất đã được đề xuất.

Từ khóa: mô hình phong cách học tập, phong cách học tập, tiếng Anh chuyên ngành, tiếng Anh chuyên ngành du lịch, tự học.

I. Đặt vấn đề

Ngày nay, ngoại ngữ là một kỹ năng quan trọng đối với nhiều ngành nghề, đặc biệt là ngành du lịch với nhiệm vụ phục vụ khách hàng từ khắp năm châu. Việc thành thạo ngoại ngữ chính là yếu tố cần thiết giúp tăng cơ hội việc làm hay mức lương hấp dẫn khi ra trường. Xét trong môi trường học tập tại Khoa

Du lịch đã có sự thay đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ khiến thời gian tương tác trên lớp giảm, sinh viên phải tăng tính tự học. Nhưng nhiều sinh viên chưa biết cách học hoặc không tìm đc phong cách học hiệu quả trong môi trường tiếng anh chuyên ngành. Nếu có phong cách học tập phù hợp thì việc tiếp nhận kiến thức sẽ trở nên dễ dàng, hiệu quả hơn.

* Khoa Du lịch - Trường Đại học Mở Hà Nội

II. Cơ sở lý luận về phong cách học

2.1. Khái niệm phong cách học tập

Theo quan điểm của Rose (1998), PCHT có thể xem là các phương pháp học tập riêng biệt mà mỗi cá nhân chọn lựa để tiếp nhận thông tin, nó liên quan đến sở thích của mỗi người học đối với các kiểu hoạt động học tập khác nhau. Người học khi biết được PCHT của bản thân có thể nhìn ra được mặt mạnh, mặt yếu của mình, từ đó chọn lựa được các phương pháp học tập phù hợp để phát huy các mặt mạnh cũng như cải thiện các mặt yếu kém.

2.2. Các đặc điểm của phong cách học tập

Theo Witkin (1962), PCHT có các đặc điểm sau:

Mỗi nhóm người học khác nhau sẽ có PCHT khác nhau: với cùng một hình ảnh hoặc một hành động, mỗi nhóm người học khác nhau sẽ có PCHT khác nhau.

PCHT bị tác động bởi những yếu tố ngoại cảnh: PCHT dựa trên yếu tố thể chất và bị ảnh hưởng bởi sự di truyền

Những PCHT sẵn có của mỗi cá nhân là nền tảng để hình thành nên những PCHT mới: Thông qua các PCHT đã có, người học có thể lựa chọn các chiến lược học tập ưa thích cho cá nhân, từ đó hình thành PCHT mới phù hợp cho cá nhân.

PCHT là khác nhau ở mỗi cá nhân: Một nhóm học sinh có cùng giới tính, độ tuổi hoặc có điểm chung về văn hóa, xã hội, kinh tế, trình độ văn hóa thì sẽ có các PCHT khác nhau do khác biệt về mức độ nhận thức và sự lựa chọn các chiến lược học tập khác nhau.

Tóm lại, PCHT là một phạm trù có thể thay đổi phụ thuộc vào những yếu tố ngoại cảnh tác động và sự phát triển của mỗi cá nhân. PCHT có biểu hiện khác nhau ở mỗi cá nhân, mỗi nhóm khác nhau. Từ đó thấy được PCHT rất đa dạng và phong phú.

2.3. Phong cách học tập tiếng Anh chuyên ngành

Dudley và Evans (1998) cho rằng tiếng Anh chuyên ngành (ESP – English for Specific Purposes) được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của người học. Nó sử dụng các phương pháp và hoạt động (ngôn ngữ) của chuyên ngành mà nó phục vụ; tập trung vào kiểu loại ngôn ngữ phù hợp với các hoạt động này về ngữ pháp, từ vựng, ngữ vực, kỹ năng học tập và phong cách. Hai tác giả cũng cho rằng, một trong những điều cần thiết khi học tiếng Anh chuyên ngành chính là việc xác định được phong cách học tập của người học. Phong cách học tập sẽ giúp cho người học tiếng Anh chuyên ngành hiểu được sở thích học tập của bản thân, từ đó tìm ra chiến lược học tập phù hợp nhất đối với bản thân. Phong cách học tập tiếng Anh chuyên ngành có thể được hiểu là việc vận dụng phong cách học tập của người học vào việc giảng dạy cũng như học tập, giúp người học học đúng theo phong cách của bản thân, vận dụng phong cách của bản thân để phát huy được tối đa điểm mạnh cũng như khắc phục điểm yếu của họ trong việc học tiếng Anh chuyên ngành.

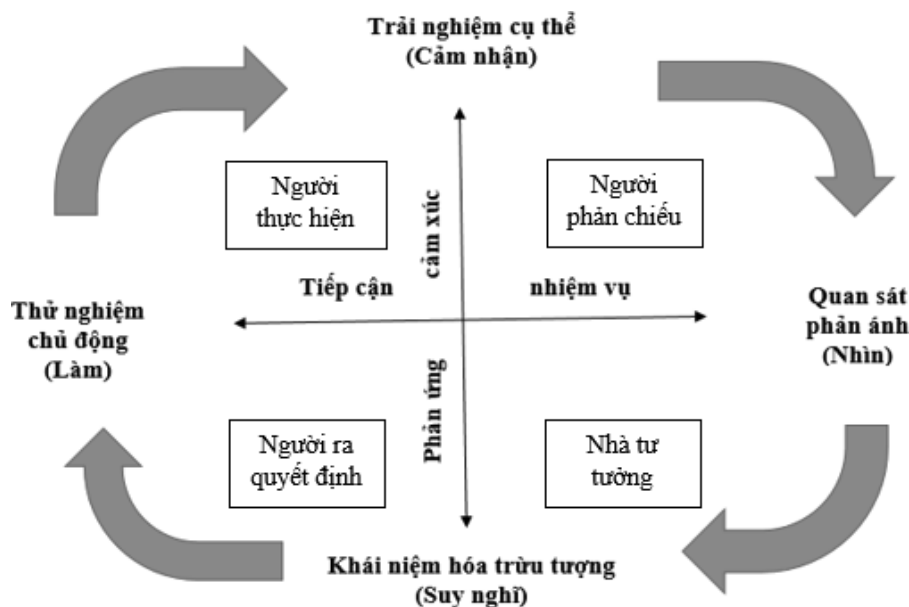
2.4. Các mô hình phong cách học tập

a) David Kolb và lý thuyết học tập trải nghiệm

Vào những năm 1970, nhà tâm lý học người Mỹ David Kolb cùng với Roger Fry đã phát triển mô hình “Học tập trải

nghiệm”. Mô hình này còn được gọi là mô hình bốn giai đoạn học tập: Trải nghiệm cụ thể, Quan sát phản ánh, Khái niệm hóa trừu tượng và Thử nghiệm chủ động. Từ mô hình học tập này Kolb đã phát triển thành chu trình học tập trải nghiệm gồm 4 giai đoạn và 4 phong cách học tập liên quan giúp người học định hình và nhận

biết được PCHT của bản thân và có thể mỗi người sẽ có một hoặc nhiều loại PCHT khác nhau. Bản thân mỗi người cũng có thể chuyển biến từ PCHT này qua PCHT khác hoặc kết hợp nhiều PCHT để phù hợp với ngành học và nhu cầu tiếp nhận các kiến thức, kỹ năng chuyên môn.



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ chu trình học tập của KOLB.

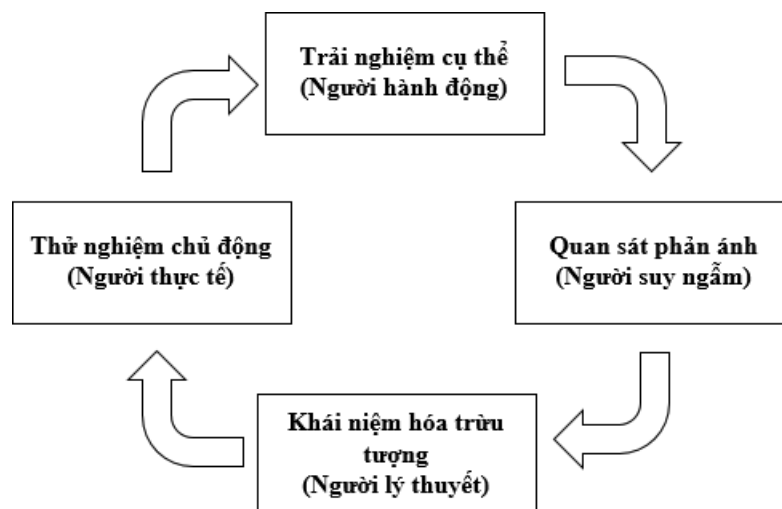
(Nguồn: www.simplypsychology.org)

b) Mô hình phong cách học tập của Honey và Mumford

Trên cơ sở sử dụng lý thuyết học tập trải nghiệm và bộ câu hỏi tìm hiểu các phong cách học tập của Kolb để khám phá các cá nhân học như thế nào, Peter Honey và Alan Mumford đã dành ra 4 năm thử nghiệm với các phương pháp tiếp cận khác nhau để đánh giá sự khác biệt cá nhân trong cách học tập có ưu thế hơn và đã đưa ra bộ câu hỏi điều tra về PCHT (Learning Styles Questionnaire – LSQ) vào năm 1982. Bộ câu hỏi đưa ra những câu hỏi thăm dò xu hướng chung của hành vi thay vì những câu hỏi trực tiếp về cách họ học như thế nào như trong bộ công

cụ của Kolb. Công cụ mới của Honey và Mumford được thiết kế dựa trên việc tìm hiểu thái độ và hành vi để xác định sở thích liên quan đến việc học tập, từ đó phát triển cải thiện việc học tập, vận dụng những điểm mạnh của cá nhân người học trong việc phát triển toàn diện cho họ.

Trong mô hình này, phong cách học tập được định nghĩa là “sự mô tả thái độ và hành vi mà qua đó nó xác định cách học ưa thích của mỗi cá nhân” (Honey & Mumford, 1992). Phong cách học tập theo mô hình này được chia thành 4 loại bao gồm người hành động (activist), người suy ngẫm (reflector), người lý thuyết (theorist) và người thực tế (pragmatist).



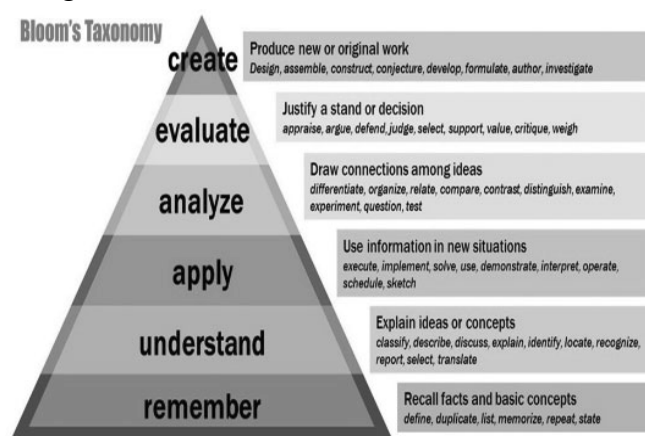
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ mối liên hệ giữa mô hình PCHT của Kolb với mô hình PCHT của Honey và Mumford

(Nguồn: www.icti.org.uk)

2.5. Thang đo tính hiệu quả của PCHT tiếng Anh chuyên ngành – thang Bloom

Thang đo Bloom về các cấp độ tư duy (Bloom's Revised Taxonomy) là một công cụ hữu hiệu để đánh giá mức độ hiệu quả của phong cách học tập nói chung và phong cách học tiếng Anh chuyên ngành nói riêng. Theo như Foreman (2010) đã phân tích, một trong những ứng dụng hiệu quả của thang đo Bloom là “cung cấp một hình ảnh rõ ràng, súc tích về tư

duy, mức độ nhận thức, phong cách của người học thông qua các hoạt động học tập, mục tiêu giáo dục”. Các cấp độ nhận thức của thang đo Bloom được đưa ra có mối quan hệ mật thiết với phong cách học tập tiếng Anh chuyên ngành thông qua biểu hiện, đặc trưng tư duy, nhận thức của người học. Chính phong cách học tập ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ tiếp nhận kiến thức, tư duy của người học. Hay nói cách khác, thang đo Bloom có khả năng đánh giá mức độ hiệu quả của phong cách học tiếng Anh chuyên ngành.



Hình 1.1: Thang đo 6 cấp độ nhận thức của BLOOM

(Nguồn: VNECONOMICS)

Thang đo Bloom gồm 6 cấp độ được phân chia cụ thể, khoa học đã thể hiện rất rõ sự khác nhau của từng bậc nhận thức của người học. Qua đó, thang đo khẳng định được vai trò quan trọng trong việc đánh giá mức độ hiệu quả của việc phong cách học tập tiếng Anh chuyên ngành.

Tóm lại, PCHT tiếng Anh chuyên ngành giữ một vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân có nhu cầu học tiếng Anh với mục đích cụ thể. Chính PCHT tiếng Anh chuyên ngành sẽ giúp người học tiếng Anh định hình lối tư duy, cách suy nghĩ, xác định được mục tiêu học tập để vận dụng hiệu quả vào từng lĩnh vực chuyên môn cần thiết. Tính hiệu quả của PCHT tiếng Anh chuyên ngành được đánh giá một cách khoa học và cụ thể qua thang đo Bloom.

III. Phương pháp nghiên cứu

- **Mục đích nghiên cứu:** Mục đích chính của nghiên cứu là nhằm đưa những đề xuất để cải thiện phong cách học tập tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên Khoa du lịch – Trường Đại học Mở Hà Nội.

- **Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu là phong cách học tập tiếng Anh chuyên ngành. Khách thể nghiên cứu là 205 sinh viên khóa 25 và Khóa 26 chia làm 3 nhóm học lực giỏi, khá, trung bình tại Khoa Du lịch – Đại học Mở Hà Nội. Nội dung nghiên cứu là khảo sát tình hình học tập, các PCHT của các nhóm sinh viên và tính hiệu quả của những phong cách đó.

- **Phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu:**

+ Phương pháp định lượng: nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra chọn mẫu nhằm thu thập, phân loại các phong cách học tập của các sinh viên tại khoa Du

lịch trường Đại học Mở Hà Nội. hỏi về: tình hình học tiếng Anh, PCHT tiếng Anh chuyên ngành du lịch và tính hiệu quả của PCHT tiếng Anh chuyên ngành du lịch của từng nhóm PCHT khác nhau.

+ Phương pháp nghiên cứu tư liệu được thực hiện nhằm mục đích tổng quan về PCHT, các đặc điểm của PCHT, tìm hiểu về các PCHT khác nhau, thang đo về tính hiệu quả của các PCHT.

+ Phương pháp xử lý dữ liệu định lượng được xử lý dựa trên phần mềm Excel.

- **Công cụ nghiên cứu:** Công cụ nghiên cứu là phiếu khảo sát/ bảng câu hỏi với mục đích khảo sát tình hình học tiếng Anh, PCHT tiếng Anh chuyên ngành du lịch. Phiếu khảo sát bao gồm 44 câu hỏi, trong đó có 3 câu hỏi về thông tin cá nhân sinh viên, 3 câu hỏi về hiểu biết chung của sinh viên đối với TACNDL, không đề trả lời vấn đề nghiên cứu, bỏ. 36 câu hỏi tìm hiểu về PCHT của sinh viên và 2 câu hỏi dùng để tìm hiểu về tính hiệu quả của các PCHT của sinh viên. Các câu hỏi về PCHT dựa trên bảng câu hỏi của Honey và được chọn lọc cho hợp với bối cảnh học ngoại ngữ chuyên ngành. Các câu hỏi đánh giá tính hiệu quả của PCHT dựa trên thang đo cấp độ tư duy của BLOOM.

IV. Kết quả và thảo luận

4.0 Thực trạng phong cách học tiếng Anh chuyên ngành tại Khoa Du lịch – Trường Đại học Mở Hà Nội.

Kết quả cho thấy sinh viên chủ yếu sử dụng hình thức tự học. Đặc biệt, sinh viên ở cả 3 nhóm đều có sự đa dạng trong việc kết hợp PCHT và chiếm tỉ lệ cao nhất là sự kết hợp của cả 4 phong cách (lý thuyết, hành động, suy ngẫm, thực tế).

Tuy nhiên, hiệu quả học tập ở 3 nhóm là hoàn toàn khác biệt: nhóm giỏi đạt cấp 6, nhóm khá đạt cấp 5 và nhóm trung bình chỉ đạt mức độ 3. Như vậy có thể thấy ở nhóm khá và trung bình, sinh viên chưa biết cách vận dụng tối đa điểm mạnh của từng PCHT hiện có cũng như chưa tạo được sự hài hòa của 4 PCHT để đạt được kết quả tối ưu nhất.

4.2. Đề xuất phong cách học tập tiếng Anh chuyên ngành hiệu quả tại Khoa Du lịch – Trường Đại học Mở Hà Nội.

Từ kết quả khảo sát, nhóm tác giả đề xuất PCHT TACN hiệu quả tại khoa Du lịch chính là sự kết hợp nhuần nhuyễn 4 PCHT. Từ đó, nhóm đề xuất 2 nhóm giải pháp chính và phụ. Đối với mỗi nhóm giải pháp, nhóm đưa ra lí do lựa chọn, nội dung, hướng dẫn sử dụng và các ví dụ cụ thể. Trước hết đối với nhóm giải pháp chính, nhóm đề xuất 2 hoạt động để chuyển hóa, kết hợp 4 PCHT là phương pháp làm dự án và phương pháp tranh biện.

Nhóm giải pháp chính

Phương pháp làm dự án (Project – based learning)

Theo tác giả Phạm Diệu Ly trong “Nghiên cứu điển mẫu và vai trò của phương pháp Project – based learning trong giảng dạy tiếng Anh tại Khoa Du lịch – Trường Đại học Mở Hà Nội” (2018), đối với ba nhóm sinh viên có học lực giỏi, khá và trung bình thì việc sinh viên làm bài Project (dự án) giúp cải thiện độ tự tin, tăng khả năng ngôn ngữ và từ đó giúp tăng kết quả học tập trong học phần TACNDL. Ngoài ra theo sơ đồ của Gomez (2016), phương pháp làm bài dự án là sự tổng hợp của “kiến thức và khả năng học + kiến thức và khả năng áp dụng + kỹ năng giải quyết vấn đề”. Nói cách khác việc trải qua phương pháp làm bài dự án này chính là kết quả của sự kết hợp nhuần nhuyễn bốn PCHT (lý thuyết + hành động + suy ngẫm + thực tế). Dưới đây là bảng nội dung chi tiết các bước của Phương pháp làm dự án và PCHT tương ứng cho từng bước đó:

Bảng 1: Các bước để tiến hành một Dự án

(Nguồn: Phạm Diệu Ly (2018))

STT	Nội dung các bước	PCHT
1	Tự đặt ra các câu hỏi định hướng Tự đặt ra các câu hỏi giúp tạo hứng thú, thử thách cho bản thân đồng thời giúp bản thân tự định hướng các công việc cần làm, các mục tiêu cần đạt được. Những câu hỏi định hướng tốt là những câu hỏi kích thích sự tò mò suy nghĩ của bản thân, giả định cho bản thân một vai trò trong xã hội hay những câu hỏi hướng tới sự sáng tạo. <i>Ví dụ: Là một khách du lịch đến với Hội An, anh chị có cảm nhận gì về văn hóa nơi đây?</i>	Suy ngẫm
2	Xây dựng kế hoạch cho dự án Lên kế hoạch về các nguồn lực cần cho dự án (kiến thức, kỹ năng, trang thiết bị...), các nhân lực hỗ trợ cung cấp các kiến thức tổng hợp xoay quanh dự án trước khi tiến hành dự án (các chuyên gia, các diễn giả, các nhà nghiên cứu, kỹ sư có kiến thức chuyên sâu...), mời các chuyên gia có những chia sẻ (tâm lý du khách, lịch sử của đất nước),...	Thực tế
3	Lên thời khóa biểu cho từng bước Để đảm bảo tiến độ hoàn thành dự án cần lên một lịch trình cụ thể cho từng bước của dự án dựa trên các câu hỏi định hướng đã đặt ra ở bước 1 và có thể đưa ra thêm các hướng đi mới nhưng phải hướng tới việc đạt mục tiêu.	Lý thuyết

4	Tự kiểm soát quá trình thực hiện và sản phẩm của dự án Bắt tay vào làm các công việc đã định hướng theo lịch trình. Trong quá trình thực hiện cần chú ý tiến độ của dự án bằng các báo cáo kết quả của từng giai đoạn. Thêm vào đó cần xây dựng khung đánh giá các cá nhân trong nhóm và khung đánh giá dự án để có thể kiểm soát tốt.	Hành động
5	Tự đánh giá kết quả dự án Tự đánh giá toàn bộ dự án sử dụng bảng tiêu chí mà giáo viên cung cấp	Suy ngẫm

Trên đây là bảng nội dung các bước tương ứng với mỗi PCHT và thể hiện sự kết hợp chuyển hóa 4 phong cách. Đối với các sinh viên thuộc nhóm học lực giỏi các bạn có thể dễ dàng thực hiện theo các bước để có được sự chuyển hóa, kết hợp các phong cách, đem lại hiệu quả học TACN cao nhất. Tuy nhiên đối với nhóm sinh viên khá và trung bình, các bạn cần có sự trợ giúp, hướng dẫn từ thầy cô và các bạn sinh viên giỏi.

Phương pháp tranh biện (Debate)

Tranh biện là một phương pháp hữu ích giúp cải thiện kỹ năng nói bằng cách phát triển tư duy phản biện của bản thân để đưa ra lập luận một cách thuyết phục về một vấn đề nào đó trong một cuộc tranh

luận. Theo Vietyouthtodebate – một tổ chức nghiên cứu về tranh biện dành cho giới trẻ Việt Nam - tranh biện có thể giúp sinh viên học tập hiệu quả tiếng Anh thông qua việc rèn luyện và vận dụng một cách hài hòa kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết; tư duy, phân tích (PCHT suy ngẫm) các thông tin, kiến thức có được (PCHT lý thuyết) để hình thành lập luận chặt chẽ và sắp xếp nó tạo quan điểm về vấn đề cụ thể; tăng tương tác bằng cách thảo luận nhóm (PCHT hành động), giao tiếp và bày tỏ ý kiến trực tiếp (PCHT thực tế) với mọi người bằng tiếng Anh.

Bảng dưới đây nêu cụ thể các bước của phương pháp tranh biện (Debate) và đồng thời thể hiện sự chuyển hóa hài hòa của bốn PCHT tương ứng với mỗi bước

Bảng 2: Các bước để tạo một cuộc tranh biện

(Nguồn: m.busyteacher.org)

STT	Nội dung các bước	PCHT
1	Tự chọn chủ đề tranh biện Sinh viên lựa chọn các vấn đề xoay quanh bài học tạo một chủ đề thú vị gây kích thích sự tò mò, mong muốn được trình bày của sinh viên. Một chủ đề hay sẽ làm sinh viên cảm thấy hứng thú và có động lực để thể hiện quan điểm của bản thân. Ví dụ: Sinh viên du lịch nên đi làm thêm ở các nhà hàng, khách sạn hoặc công ty du lịch lữ hành khi còn đang đi học.	Suy Ngẫm
2	Phân tích và chỉ ra được hai mặt của chủ đề tranh biện: Sau khi lựa chọn được chủ đề tranh biện, sinh viên tiến hành phân tích và chia chủ đề làm hai quan điểm tiêu cực và tích cực để từ đó có thể phân nhóm tranh biện.	Suy Ngẫm
3	Tìm hiểu các thông tin, kiến thức để bổ sung vào quan điểm Các nhóm tranh biện sẽ có thời gian để nghiên cứu những thông tin, kiến thức liên quan để hỗ trợ cho quan điểm của nhóm.	Lý Thuyết
4	Thảo luận nhóm Thảo luận cùng với các thành viên trong nhóm để lên chiến lược đưa ra những lập luận phù hợp chứng minh và phản biện cho quan điểm của nhóm.	Hành Động

5	Trình bày quan điểm và định dạng quy trình tranh biện Các nhóm sẽ có thời gian đưa ra lập luận để chứng minh bảo vệ quan điểm của mình và phản biện lại khía cạnh đối lập của nhóm đối thủ theo một quy trình đã được định sẵn. + Bên 1 trình bày các quan điểm mở đầu. + Bên 2 trình bày lập luận mở đầu.. + Bên 1 có cơ hội phản bác + Bên 2 có cơ hội phản bác + Bên 1 có cơ hội phản bác lần thứ hai + Bên 2 có cơ hội phản bác lần thứ hai + Bên 1 cần có thời gian để kết luận. + Bên 2 cần thời gian để kết luận.	Thực tế
6	Đánh giá quan điểm Sau khi các nhóm đã trình bày quan điểm của mình, người nghe sẽ bình chọn dựa trên mức độ thuyết phục của các lập luận (tính logic, sự truyền đạt, khả năng phản biện quan điểm của đối thủ,...) để xác định nhóm chiến thắng.	Suy Ngẫm

Bảng gồm các bước để tạo một cuộc tranh biện, giúp sinh viên có những hướng đi rõ ràng để tự xây dựng cho mình một quy trình tranh biện mà vẫn kết hợp cả 4 PCHT. Và trong một nhóm tranh biện nên có đủ sinh viên học lực giỏi, khá, trung bình. Từ đó nhóm sv học lực giỏi phát huy được năng lực của bản thân, sinh viên khá và trung bình có thể học hỏi những kiến thức, kĩ năng để nâng cao hiệu quả học tập.

Nhóm giải pháp phụ

Như vậy, khi sinh viên hiểu bản chất các hoạt động học tập thì trong bất cứ hoạt động nào cũng có thể đạt được sự kết hợp, chuyển hóa 4 PCHT. Song, để kết hợp hài

hòa cả 4 PCHT thì người học cũng cần biết cách học hiệu quả để phát huy điểm mạnh của từng phong cách. Tham khảo lý thuyết về biểu hiện của các PCHT trong nghiên cứu của Honey và Mumford, nhóm tác giả đã xây dựng nhóm giải pháp phụ là bảng tập hợp các hoạt động để nâng cao tính hiệu quả từng PCHT. Đây là một sự kết hợp mới mẻ giữa mô hình PCHT của Honey, Mumford và thang đo 6 cấp độ tư duy Bloom. Dựa trên các biểu hiện, từng PCHT phù hợp một kỹ năng đặc trưng. Với mỗi phong cách, nhóm tác giả đưa ra các bài tập trong sách TACNDL đang được sử dụng tại Khoa. Độ khó của bài tập sẽ tăng dần theo 6 cấp độ.

Bảng 3: Bảng tập hợp các hoạt động để nâng cao tính hiệu quả của từng phong cách học tập TACNDL

Cấp độ	PCHT lý thuyết (Reading)	PCHT hành động (Speaking)	PCHT suy ngẫm (Writing)	PCHT thực tế (Professional skills)
1. Nhỏ	-Nêu, liệt kê các khái niệm mới liên quan đến du lịch xuất hiện trong bài đọc <i>Ví dụ: Khái niệm inbound tourism, outbound tourism, domestic tourism... (Pet1/ p8)</i>	- Chỉ ra các mẫu câu, từ loại cần thiết để nói xung quanh về một chủ đề trong du lịch. <i>Ví dụ: Ghi nhớ các từ/cụm từ dùng để chỉ đường, phương hướng (Pet 2/p69)</i>	- Chỉ ra các từ vựng phù hợp để viết về một chủ đề trong du lịch. <i>Ví dụ: Kể tên các tính từ dùng để miêu tả món ăn (Pet 2/p56)</i>	-Nêu được trình tự nội dung các bước, các nguyên tắc để thực hiện một quy trình liên quan đến các kỹ năng chuyên môn trong du lịch. <i>Ví dụ: trình tự thực hiện quy trình check out (Pet 2/p81)</i>

	- Điền từ/ cụm từ vào chỗ trống/ bảng liên quan đến nội dung bài đọc <i>Ví dụ: Điền từ/ cụm từ hoàn thành bảng thông tin công việc của một người dựa vào bài đọc mô tả công việc (Pet 1/p18)</i>	- Trả lời những câu hỏi cơ bản <i>Ví dụ: Nêu khái niệm của marketing mix? (Pet3/p12)</i>	- Chỉ ra các cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu cần thiết về chủ đề trong du lịch <i>Ví dụ: Sử dụng thì hiện tại để viết thư xin việc (Pet1/27)</i>	- Nhớ được những thuật ngữ chuyên ngành du lịch. <i>Ví dụ: Tên gọi của các đồ vải trong khách sạn (Pet 2/p77)</i>
2. Hiểu	- Hiểu các đặc điểm, chức năng của các khái niệm liên quan đến du lịch trong bài đọc. Từ đó so sánh điểm giống và khác nhau giữa chúng. <i>Ví dụ: So sánh điểm giống và khác nhau giữa all-inclusive package và tailored package (Pet1/p35)</i>	- Thực hành hỏi và trả lời các câu hỏi có sẵn trong bài đọc liên quan đến du lịch <i>Ví dụ: Kể tên các dịch vụ mà khách sạn có thể cung cấp cho từng đối tượng khách (Pet1/p43)</i> - Trình bày quan điểm của bản thân về một chủ đề du lịch <i>Ví dụ: Theo anh/ chị những dịch vụ nào cần có trong khách sạn 5 sao (Pet1/p42)</i>	- Làm bài tập chia động từ, viết lại câu, sửa lỗi sai nhằm cải thiện khả năng viết đồng thời hiểu sâu hơn các vấn đề du lịch <i>Ví dụ: Viết lại câu sao cho nghĩa không đổi, sắp xếp các từ và hoàn thành câu,...</i>	- Mô tả, lấy ví dụ cho từng quy trình thuộc về các kỹ năng chuyên môn trong du lịch <i>Ví dụ: Mô tả và lấy ví dụ về các bước giải quyết phàn nàn của khách hàng (Pet1/p45)</i>
3. Vận dụng	- Áp dụng những kiến thức về du lịch trong bài đọc cho một môi trường du lịch cụ thể trong thực tế để giải quyết các vấn đề tồn tại <i>Ví dụ: Vận dụng mô hình niche tourism vào du lịch tại Việt Nam</i>	- Xây dựng hội thoại phân vai về các tình huống liên quan đến chủ đề du lịch được học <i>Ví dụ: Xây dựng hội thoại về tình huống khách hàng đặt tour thông qua đại lý du lịch</i>	- Viết văn/ thư/ email để giải quyết, xác nhận các vấn đề trong du lịch <i>Ví dụ: Viết thư phản hồi về phàn nàn của khách</i>	- Đóng vai thực hiện các quy trình thuộc về kỹ năng chuyên ngành du lịch <i>Ví dụ: Đóng vai lễ tân và khách hàng thực hiện quy trình check in</i>
4. Phân tích	- Phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của một môi trường du lịch cụ thể từ các kiến thức lý thuyết <i>Ví dụ: Phân tích điểm mạnh điểm yếu của du lịch chuyên biệt tại Việt Nam</i>	- Phân tích các nhân tố của chủ đề du lịch được học gắn với môi trường du lịch cụ thể (thị trường, địa phương, nhà hàng, khách sạn,...)	- Phân tích các yếu tố cơ hội để viết mô tả phát triển cho một loại hình du lịch cụ thể (du lịch công vụ, du lịch ẩm thực, du lịch sức khỏe,...)	- Phân tích một tình huống, vấn đề cụ thể và xem xét sử dụng các kỹ năng chuyên ngành đã học để giải quyết <i>Ví dụ: Sử dụng kỹ năng giải quyết phàn nàn, đưa ra hướng giải quyết phù hợp nhất</i>

5. Đánh giá	- Đưa ra lập luận để chứng minh tính hiệu quả của các kiến thức du lịch trong bài đọc đối với một môi trường du lịch cụ thể <i>Ví dụ: Đánh giá tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng mô hình 4P vào quảng bá du lịch tại địa phương</i>	- Thảo luận nhóm, đưa ra quan điểm để phân tích, đánh giá, chứng minh một chủ đề về du lịch <i>Ví dụ: Thảo luận nhóm đưa ra lựa chọn hợp lý nhất để khen thưởng cho nhân viên</i>	- Viết đánh giá về một vấn đề du lịch <i>Ví dụ: Đánh giá sự tác động của con người lên 1 địa điểm du lịch</i> - So sánh giữa hai hoặc nhiều vấn đề du lịch với nhau <i>Ví dụ: So sánh sự phát triển du lịch biển của Việt Nam và Thái Lan</i>	- Đưa ra lập luận của bản thân và đánh giá về một vấn đề du lịch <i>Ví dụ: Đánh giá các phương án tổ chức sự kiện để tìm ra giải pháp khả thi nhất (tiệc tây hay buffet)</i>
6. Sáng tạo	- Thiết kế mô hình, đề xuất các tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của các kiến thức du lịch trong bài đọc đối với một môi trường du lịch cụ thể.	- Thiết kế một bài thuyết trình đa phương tiện về một chủ đề du lịch	- Thiết kế tour du lịch, lập bản kế hoạch tổ chức sự kiện, cải thiện chất lượng dịch vụ du lịch,...	- Học hỏi và tìm hiểu những hướng đi và cách giải quyết mới cho các tình huống gặp phải đối với phản nàn phổ biến hoặc những phản nàn có thể bắt gặp của khách hàng trong tương lai.

V. Kết luận và khuyến nghị

5.1 Kết luận

Dựa vào tình hình thực tế học tập của sinh viên Khoa Du lịch Trường Đại học Mở Hà Nội, bài viết: “Nghiên cứu đề xuất phong cách học ngoại ngữ chuyên ngành du lịch hiệu quả của sinh viên Khoa Du lịch Trường Đại học Mở Hà Nội” đã đưa ra được cơ sở lý thuyết về các phong cách học tập và thang đo tính hiệu quả của các PCHT, từ đó có những định hướng giúp sinh viên xác định rõ nét PCHT của bản thân và đưa ra những hướng đi, giải pháp cho việc nâng cao và cải thiện khả năng học tập TACNDL cho sinh viên tại Khoa Du lịch Trường Đại học Mở Hà Nội.

5.2 Khuyến nghị

Đối với các giảng viên giảng dạy học phần tiếng Anh chuyên ngành du lịch: Các thầy cô có thể tham khảo các hoạt động, phương pháp được đề xuất để

xây dựng tài liệu giảng dạy, thiết kế bài giảng phù hợp, bên cạnh đó, tổ chức các trò chơi, hoạt động trải nghiệm thực tế phù hợp với sở thích từng nhóm sinh viên thuộc các PCHT nhất định, tập trung vào các hoạt động nhằm giúp sinh viên chuyên hóa, kết hợp các PCHT để hỗ trợ sinh viên đạt được hiệu quả tốt nhất trong việc học TACNDL.

Đối với các sinh viên học tập tại khoa Du lịch - trường Đại học Mở Hà Nội: Các sinh viên có thể xác định được PCHT của bản thân, từ đó tìm ra những hoạt động phù hợp với PCHT của cá nhân để cải thiện năng lực theo từng cấp độ đã được đưa ra. Bên cạnh đó, sinh viên có sự chủ động sáng tạo các hoạt động học tập dựa trên các giải pháp mà nghiên cứu đã đề xuất. Hơn thế nữa, sinh viên cũng có thể tham khảo bản thiết kế mẫu về quy trình học tập theo từng cấp độ tư duy để tự xây dựng cho mình một quy trình học

phù hợp nhằm nâng cao năng lực học TACNDL của bản thân.

Tài liệu tham khảo:

1. Lâm Quang Đông, (2011), “*Tiếng Anh chuyên ngành – một số vấn đề về nội dung giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành – Một số vấn đề về nội dung giảng dạy*”, Số 11 (193), Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống
2. Phạm Diệu Ly, (2018), “*Nghiên cứu điển mẫu và vai trò của phương pháp Project – based learning trong giảng dạy tiếng Anh tại Khoa Du lịch – Trường Đại học Mở Hà Nội*”, số 49 T11-2018, Tạp chí khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội.
3. Dudley-Evans. T, (1998), “*Research perspectives on English for academic purposes*”, Cambridge University Press.
4. Gomez, M. (2016). *Project-Based Learning*. Universidad de Valladolid.

5. Honey, P. and Mumford. A, (1992), “*Manual of Learning Styles*”, Peter Honey Publications.
6. Honey, P. and Mumford. A, (2000), “*The Learning Styles Questionnaire*”, Peter Honey Publications.
7. Lorin W. Anderson, David Krathwohl, (2001), “*A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom’s Taxonomy of Educational Objectives*”. Educational Horizons.
8. Rose C (1998). *Accelerated learning*. Chaminade college, Pl.
9. Witkin, H. A., Dyk, R. B., Fattuson, H. F., Goodenough, D. R., & Karp, S. A. (1962). *Psychological differentiation: Studies of development*. Wiley.

Địa chỉ tác giả: Khoa Du lịch - Trường Đại học Mở Hà Nội

Email: lypd@hou.edu.vn